

Số: 1098/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách của đơn vị theo đúng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý xây dựng công trình; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- Các đ/c lãnh đạo Sở;
- Website Sở NN và PTNT;
- Lưu: VT, KHTC (Từng)



Chu Phú Mỹ

PHỤ BIỂU PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Quyết định số **098** /QĐ-SNN ngày **13** tháng 7 năm 2022

của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	Dự toán đã giao tại QĐ số 1881/QĐ- SNN ngày 31/12/2021	Tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ % giữa TH với DT năm	Tỷ lệ % giữa TH với số đã giao
I	Số thu phí, lệ phí	24.289	24.289	8.515	35,06	35,06
1	Lệ phí	74	74	15	20,27	20,27
2	Phí	24.215	24.215	8.500	35,10	35,10
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	21.613	9.621			
*	<i>Chi quản lý hành chính</i>	21.613	9.621			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	21.613	9.621			
	<i>Trong đó: Dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 theo quy định</i>	2.320	2.320			
	<i>Chi tiết theo từng đơn vị</i>					
	- Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	81	81			
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	2.000	2.000			
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	111	111			
	- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	128	128			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
1	Lệ phí					
2	Phí	21.613	21.613	6.618	30,62	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.676	2.676	953	35,61	35,61
1	Lệ phí	74	74	15	20,27	
2	Phí	2.602	2.602	938	36,05	

PHỤ BIỂU PHÂN BỐ TOÁN KẾ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-SNN ngày 13 tháng 7 năm 2022

của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)



Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022	Dự toán đã giao	Dự toán còn lại chưa giao	Tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm	Tỷ lệ % giữa TH với DT năm	Tỷ lệ % giữa TH với số đã giao
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)						
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	2.482.000.000	2.482.000.000		180.000.000		
II	Chi sự nghiệp kinh tế	1.722.421.000.000	1.647.032.000.000	75.389.000.000	363.079.052.004	21,08	22,04
	b/ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.722.421.000.000	1.647.032.000.000	75.389.000.000	363.079.052.004		
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	120.470.000.000	120.470.000.000		44.932.000.000		
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	119.686.000.000	119.686.000.000		44.880.000.000		
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	79.299.000.000	79.299.000.000		31.538.000.000		
	* Chi khác ngoài lương	40.387.000.000	40.387.000.000		13.342.000.000		
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	784.000.000	784.000.000		52.000.000		
	- Chi nghiệp vụ	1.271.592.000.000	1.200.203.000.000	71.389.000.000	288.391.052.004		
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	12.181.000.000	11.686.000.000	495.000.000	195.000.000		
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	12.181.000.000	11.686.000.000	495.000.000	195.000.000		
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)						
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	318.178.000.000	314.673.000.000	3.505.000.000	29.561.000.000		
III	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.885.000.000	4.885.000.000		81.000.000		
IV	Nghiên cứu khoa học	20.700.000.000	19.500.000.000	1.200.000.000			

Đơn vị tính: triệu đồng